

**ÁP DỤNG LỄ CÔNG BẰNG: KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT ANH  
VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

**LÊ XUÂN TÙNG\***

**TRẦN THỊ THU NGÂN\*\***

Ngày nhận bài: 25/09/2025

Ngày phản biện: 16/10/2025

Ngày đăng bài: 25/02/2026

***Tóm tắt:***

Lễ công bằng hay Equity là một khái niệm pháp luật gắn liền với lịch sử pháp luật của châu Âu lục địa cũng như trong hệ thống Common Law (đặc biệt là tại Anh). Những vấn đề xoay quanh lễ công bằng luôn thu hút sự quan tâm của các học giả từ cách giải thích cũng như mối quan hệ của nó với pháp luật từ thời Trung cổ đến cả thời điểm hiện nay. Trong bối cảnh của sự phát triển này, Việt Nam là một nước thuộc hệ thống pháp luật dân sự nên chủ yếu dựa vào các quy định của luật thành văn. Tuy nhiên, lễ công bằng cũng đã được lần đầu quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích những quan niệm, cách hiểu và một số án lệ về lễ công bằng tại Anh, từ đó cung cấp một số giá trị tham khảo cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

***Từ khóa:***

Lễ công bằng, Anh, Thông luật, Việt Nam.

***Abstract:***

Equity is a legal concept closely associated with the history of European continental law as well as the Common Law system (particularly in England). Issues concerning equity have consistently attracted the attention of scholars, from interpretations of its meaning to its relationship with the law, spanning from the medieval period to the present day. Within this developmental context, Vietnam, as a state belonging to the civil law tradition, relies primarily on codified statutes. However, equity was introduced for the first time in the 2015 Civil Code. This study focuses on analyzing the notions, interpretations, and selected case law on equity in the United Kingdom, thereby providing reference values for Vietnam in the current context.

***Keywords:***

Equity, England, Common Law, Vietnam.

---

\* TS., Nghiên cứu viên, Ban Nghiên cứu pháp luật quốc tế, Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp; Email: tunglee140895@gmail.com.

\*\* ThS., Giảng viên, Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ttngan@uel.edu.vn

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh pháp luật hiện đại ngày càng phát triển và đa dạng, sự vận dụng nguyên tắc công bằng trong giải quyết tranh chấp pháp lý đã trở thành một yếu tố không thể thiếu nhằm đảm bảo sự công bằng và hiệu quả thực thi pháp luật. Khái niệm lẽ công bằng (Equity) vốn phát sinh từ hệ thống Common Law (Thông luật) tại Anh, với lịch sử lâu đời và liên tục, đóng vai trò quan trọng trong việc khắc phục những hạn chế của luật thành văn, mang đến sự linh hoạt và khả năng điều chỉnh các tình huống pháp lý phức tạp. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật dân sự như ở Việt Nam tập trung vào quy định rõ ràng, chặt chẽ của luật thành văn, đôi khi gây ra những bất cập trong thực tiễn áp dụng. Việc đưa nguyên tắc công bằng vào Bộ luật Dân sự năm 2015 không chỉ phản ánh xu hướng hội nhập và phát triển của pháp luật Việt Nam mà còn mở ra cơ hội tiếp nhận các giá trị pháp lý quốc tế nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước. Do đó, nghiên cứu sâu sắc các quan điểm lý luận, cách thức vận dụng cùng các án lệ về lẽ công bằng tại Anh sẽ cung cấp những bài học kinh nghiệm góp phần định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng công bằng, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn xã hội ngày nay.

## 2. Một số quan niệm về lẽ công bằng dưới góc nhìn so sánh

Lẽ công bằng là một khái niệm khó nắm bắt trong suốt lịch sử phát triển của pháp luật. Qua nhiều thế kỷ, hình thành và tồn tại rất nhiều tên gọi khác nhau như sự thận trọng, bình đẳng, công bằng, hài hòa, sự giải thích vượt ra ngoài khuôn khổ của luật pháp, công lý, công lý trong các trường hợp cụ thể, một phần của luật tự nhiên<sup>1</sup>. Lẽ công bằng có thể được xác định trong nhiều xã hội và tôn giáo ngay cả khi ở các hình thức khác nhau ngay trong cả thông luật và dân luật (*Civil Law*). Người Hy Lạp gọi đó là sự khoan hồng trong khi đó luật pháp Trung Quốc cổ đại mô tả là lòng trắc ẩn và trong triết học Ấn Độ giáo người ta tìm thấy học thuyết về lẽ phải<sup>2</sup>. Tuy nhiên, thuật ngữ lẽ công bằng bắt nguồn từ luật La Mã với tên gọi ‘*aequitas*’<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, Aristotle lần đầu tiên định nghĩa lẽ công bằng như “*việc sửa chữa luật khi luật bị khiếm khuyết vì tính phổ biến của luật*”<sup>4</sup>. Ba trong số các cách hiểu khác nhau này

---

<sup>1</sup> Renato Beneduzi (2012), *Equity in the Civil Law Tradition*, tr. 165.

<sup>2</sup> Margaret White (2004), *Equity - a general principles of law recognised by civilized nations*, Queensland U.Tec. L. & Just..J., số 4(1), tr. 104.

<sup>3</sup> Maurizio Lupoi (2020), English “equity” and the civil law-a tale of two worlds, *Trusts & Trustees*, số 26(2), tr. 177.

<sup>4</sup> Nguyên văn: a correction of Law, where Law is defective by reason of its universality. Xem tại: Aristotle, *The Nicomachean Ethics of Aristotle*, Chapter XV, truy cập tại <https://www.gutenberg.org/files/>, truy cập ngày 12/8/2025.

ngày nay được sử dụng thường xuyên trong truyền thống luật dân sự. Thứ nhất, lẽ công bằng thường được coi là một hình thức tùy ý. Thứ hai, lẽ công bằng mang tư cách đại diện cho công lý trong trường hợp cụ thể. Thứ ba, với tư cách là một phương tiện giải thích theo luật định ngoài luật thành văn (phần lớn theo nghĩa của Aristotle là sửa chữa luật khi nó bị khiếm khuyết do tính thiếu phổ quát của nó). Từ thế kỷ XIII-XIV, hầu hết các hệ thống pháp luật ở châu Âu đều phải đương đầu với tình trạng thiếu khả năng theo kịp sự phát triển của xã hội<sup>5</sup>. Sau đó, những nhà lập pháp về Giáo luật (*Canon law*)<sup>6</sup>, đáng chú ý nhất là Hồng y Hostiensis vào nửa sau thế kỷ XIII, đã cho rằng tồn tại một ‘*aequitas*’ bất thành văn, có thể xem như đó là luật của Chúa và được hiểu rằng, lẽ công bằng sẽ được áp dụng ngay cả khi trái với luật thành văn<sup>7</sup>.

Sự khởi nguồn của lẽ công bằng liên quan trực tiếp đến luật dân sự. Thông luật ở thời điểm đây dựa trên quy tắc xử lý các hợp đồng, quyền sở hữu cùng nhiều vấn đề khác. Trong trường hợp không có biện pháp khắc phục (*remedial actions*) nào được cung cấp tại các tòa án Thông luật, hoặc khi kết quả đạt được từ việc áp dụng Thông luật có thể bị coi là chưa hợp lý thì có thể kiến nghị với Nhà vua và sau đó là Đại Pháp quan (*Lord Chancellor*) đưa ra biện pháp khắc phục thông qua việc thực hiện quyền quyết định của mình<sup>8</sup>. Dần dần các nguyên tắc công bằng nổi lên như một phần bổ sung cho cả luật La Mã và thông luật của Anh dựa trên nhu cầu cải thiện hoặc sửa đổi nội dung của luật dân sự. Trong luật La Mã, nó được chứa trong *ius honorarium* mà qua đó các thẩm phán sẽ ban hành các sắc lệnh hỗ trợ, bổ sung hoặc sửa chữa luật dân sự<sup>9</sup>. Hơn thế nữa, sự khác biệt giữa lẽ công bằng và luật dân sự đương đại tại Anh lúc bấy giờ là lẽ công bằng đặt ra một trật tự pháp lý của riêng nó, được hỗ trợ bởi học thuật dân sự và giáo luật<sup>10</sup>. Lẽ công bằng ở Anh là một tập hợp các quy tắc được phát triển thông qua sự phát triển của các tòa án quản lý và nền tảng của nó nằm ở lương tâm (*Conscience hay niềm tin nội tâm*) của các bên có liên quan như các luật sư của thời kỳ đầu hình thành lẽ công bằng có nhận thức khá rõ ràng<sup>11</sup>.

<sup>5</sup> Maurizio Lupoi (2020), *sdd*, tr.177.

<sup>6</sup> Canon Law thường được hiểu là Luật Giáo hội (hay Giáo luật) là bộ luật được ban hành trong một số nhà thờ Thiên Chúa giáo bởi cơ quan giáo hội hợp pháp để quản lý cả toàn bộ nhà thờ, các cơ quan trực thuộc cũng như về hành vi và hành động của các cá nhân. Canon Law phổ biến tại Anh và La Mã.

<sup>7</sup> Maurizio Lupoi (2020), *sdd*, tr.177.

<sup>8</sup> Graham Virgo (2018), *sdd*, tr. 5.

<sup>9</sup> *Ius Honorarium* (luật thẩm phán) là một cách phân loại do các luật gia thời đế quốc La Mã xây dựng để phân biệt luật riêng do các thẩm phán tư pháp ban hành với *ius Civile* (luật dân sự), Xem tại: Williamson Callie (2016), *ius honorarium*, NXB Oxford Research Encyclopedia of Classics. và Verhagen, Hendrik LE. "6. *Ius Honorarium, Equity and Real Security: Parallel Lines of Legal Development.*" *Law & Equity*. Brill Nijhoff, 2014. 129-160.

<sup>10</sup> Williamson Callie (2016), *sdd*, tr. 180.

<sup>11</sup> Graham Virgo (2018), *sdd*, tr. 5.

Thẩm phán Browne-Wilkinson khẳng định rằng: “Thẩm quyền để áp dụng lẽ công bằng phụ thuộc vào lương tâm của người nắm giữ lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, anh ta không thể là người được ủy thác tài sản nếu và chỉ khi người đó không biết về các sự kiện bị cáo buộc ảnh hưởng đến lương tâm của anh ta”<sup>12</sup>. Luật thành văn, trong một số trường hợp, có thể phải nhường chỗ cho lẽ công bằng, điều này có nghĩa là, trong phạm vi các quy phạm của lẽ công bằng, một quy định luật thành văn không thể được viện dẫn như một lá chắn để che đậy hoặc duy trì một kết quả trái với lương tâm và công lý. Chẳng hạn, khi luật yêu cầu một số hợp đồng nhất định phải được lập thành văn bản và một bên đưa ra yêu cầu về một lời hứa miệng, mặc dù lời hứa miệng như vậy là vô hiệu về mặt pháp lý, nhưng lẽ công bằng có thể buộc bị cáo phải giữ lời hứa miệng của mình nếu đó là điều phù hợp với lương tâm<sup>13</sup>. Sự khác biệt giữa luật thành văn và lẽ công bằng là sự khác biệt giữa các quy tắc chung cố định và sự khoan hồng đặc biệt. Trong khi luật thành văn là một hệ thống được thiết lập gồm các quy tắc ứng xử chung và cố định, thì lẽ công bằng được xem như luật có khả năng linh động trong trường hợp cụ thể và giảm đi sự cứng nhắc của luật thành văn<sup>14</sup>.

Ngày nay, lẽ công bằng không chỉ đơn thuần là sự lựa chọn biện pháp khắc phục cho từng sự việc, sự kiện đã xảy ra, mà khái niệm này thậm chí còn được coi trọng hơn cả một sự cần thiết khi được xác định bởi quy mô của một quốc gia dựa trên các đặc điểm bản sắc riêng biệt của quốc gia đó. Lẽ công bằng đã định hình và xác định rõ vai trò của cơ quan tư pháp như một biện pháp can thiệp đặc biệt để giải quyết một vấn đề đặc biệt<sup>15</sup>. Cũng cần phải đề cập đến vai trò của lẽ công bằng trong giải thích pháp luật khi lẽ công bằng nằm ngoài những diễn giải luật định nghiêm ngặt để đảm bảo rằng kết quả pháp lý phù hợp với đạo đức. Lẽ công bằng có thể được xem như một cách thức chống việc lạm dụng các đạo luật không nhằm mục đích tôn trọng công lý, phản ánh ý tưởng rằng thẩm phán nên quyết định các vụ án theo sự công bằng của lương tâm họ thay vì chỉ theo thủ tục pháp lý.

Lẽ công bằng được phân loại theo nhiều cách thức khác nhau. Đầu tiên, phân loại theo mối quan hệ của lẽ công bằng với pháp luật, lẽ công bằng mang ý nghĩa “tuân theo” luật định và đưa ra những giải thích rõ ràng dựa trên cơ sở pháp luật (interpretive equity).

---

<sup>12</sup> Westdeutsche Landesbank Girozentrale v Islington Lbc [1996] 1 2 All ER 961, 988.

<sup>13</sup> Graham Virgo (2018), sdd, tr. 5.

<sup>14</sup> Jennifer Nadler (2021), What is Distinctive about the Law of Equity?, Oxford Journal of Legal Studies, số 41(3), tr. 854.

<sup>15</sup> John Valery White (2022), Civil right equity: An introduction to a theory of what civil rights has become, WASH. & LEE L. REV., no 78, pp. 1889.

Lẽ công bằng sẽ được thẩm phán trong trường hợp một văn bản pháp lý không rõ ràng hoặc mơ hồ, phải áp dụng cách giải thích hợp lý hoặc mục đích phù hợp với công lý tức là phải phù hợp với sự công bằng<sup>16</sup>. Thêm vào đó, liên quan đến luật pháp, lẽ công bằng được xem là phương thức bổ sung cho pháp luật hơn là tuân theo pháp luật dưới dạng bổ sung hoặc tích hợp đối với quy phạm pháp luật. Có thể hiểu, khi không có quy phạm pháp luật nào được áp dụng và không thể giải quyết bằng cách sử dụng pháp luật thực định bao gồm cả tập quán, lẽ công bằng cần đóng vai trò bổ sung hoặc tích hợp để lấp đầy khoảng trống hoặc khoảng trống pháp lý, phù hợp với hoàn cảnh của từng trường hợp cụ thể.

Lẽ công bằng, theo quan điểm của Castán Tobeñas<sup>17</sup>, cũng có thể được chia thành lẽ công bằng chủ quan (*subject equity*) và lẽ công bằng khách quan (*objective equity*). Chủ thể trong mối quan hệ này là thẩm phán, vì lẽ đó, lẽ công bằng “chủ quan” được sinh ra từ cảm xúc hoặc sự đánh giá về công lý của thẩm phán (hoặc rộng hơn có thể là người áp dụng luật pháp). Trong khi đó, lẽ công bằng “khách quan”, đáp ứng các tiêu chí được đặt ra mà không dựa trên những quan điểm cá nhân. Lẽ công bằng có thể tiếp cận dưới góc độ là một khái niệm “đạo đức” và dễ bị nhầm lẫn với *ius* (tiếng latin của pháp luật hay công lý). Tuy nhiên, lẽ công bằng là một phạm trù gắn với sự hình thành, phát triển và duy trì luật pháp. Đối với các quy phạm pháp luật, vì nhà lập pháp không thể điều chỉnh hết tất cả những gì diễn ra trong cuộc sống, lẽ công bằng tập hợp các tập quán xã hội đã tồn tại từ lâu và được biết đến với tính đồng nhất và tính chất phổ quát với sự công nhận. Dưới phương diện này, luật pháp trở thành sự hiện thực hóa lẽ công bằng. Tuy nhiên, lẽ công bằng mang tính chất của từng vụ việc cụ thể dựa trên góc nhìn của thẩm phán mà không phải dưới góc độ lập pháp. Ở Việt Nam, lẽ công bằng có thể được xem là một nguyên tắc/nguồn bổ trợ được sử dụng để giải thích pháp luật hoặc lấp đầy khoảng trống pháp luật trong xét xử dân sự và thương mại. Lẽ công bằng không thay thế pháp luật mà bảo đảm phán quyết có tính hợp lý, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và các giá trị xã hội được thừa nhận trong từng trường hợp cụ thể. Nội dung này sẽ được phân tích rõ hơn ở phần 4.

### **3. Áp dụng lẽ công bằng trong pháp luật Anh qua một số án lệ tiêu biểu**

Dưới thời Victoria, Josiah Smith đã đưa ra nhận định để giải thích ý nghĩa của lẽ công bằng: Theo nghĩa tổng quát nhất, lẽ công bằng đồng nghĩa với công lý tự nhiên.

---

<sup>16</sup> Falcón, y Tella, María José, và y Tella, Maria Jose Falcon (2008). *Equity and Law*, NXB BRILL, pp. 132.

<sup>17</sup> Jose Castan Tobeñas (1954), *La formulación judicial del derecho: jurisprudencia y arbitrio de equidad*, pp. 53.

Nhưng lẽ công bằng khác biệt với pháp luật và được giải thích trong Tòa án Công bằng với ý nghĩa hẹp hơn. Lẽ công bằng kể từ đó đã đi vào hệ thống pháp luật Anh trong thời Trung cổ tại Bộ Tư pháp, một cơ quan nhà nước do Thủ tướng quản lý, người được ủy quyền thực thi đặc quyền ban ân của hoàng gia trong những trường hợp cần đến các biện pháp khắc phục đặc biệt. Lẽ công bằng trong thời đại Victoria tại Anh đã trải qua một sự chuyển đổi liên quan đến pháp lý và đạo đức và được thể hiện trong các cuộc tranh luận xung quanh cải cách pháp luật, các nguyên tắc đạo đức và thẩm quyền thể chế khi khái niệm lẽ công bằng có mối liên hệ mật thiết với các khái niệm về công lý tự nhiên.

Mối quan hệ giữa lẽ công bằng và thông luật nhấn mạnh những căng thẳng trong hệ thống pháp luật Anh mà cuộc cải cách tư pháp tìm cách giải quyết. Điều này cũng dẫn đến những quan điểm chỉ trích cách tiếp cận về việc lẽ công bằng được hệ thống hóa quá mức và việc lạm dụng án lệ hơn là những cân nhắc căn bản về đạo đức. Sự khác biệt so với nền tảng đạo đức ban đầu của Equity đã dẫn đến một sự thay đổi về ngữ nghĩa trong đó các thuật ngữ như "công bằng" và "niềm tin" trở nên tách biệt khỏi nguồn gốc đạo đức của chúng, phục vụ lợi ích thương mại hơn là các mệnh lệnh đạo đức. Cuộc tranh luận xung quanh nền tảng triết học của công bằng xoay quanh bản chất, mục đích và mối quan hệ của nó với thông luật. Trong khi một số học giả cho rằng công bằng chỉ đơn thuần là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử thì những người khác khẳng định nền tảng triết học riêng biệt của nó và vai trò của nó trong việc sửa chữa những thiếu sót trong hệ thống thông luật<sup>18</sup>.

Trong hệ thống pháp luật Anh, lẽ công bằng được hình thành và phát triển chủ yếu thông qua án lệ. Khác với luật thành văn, lẽ công bằng dựa vào cách thẩm phán giải quyết các tình huống thực tế khi những quy tắc của thông luật trở nên quá cứng nhắc hoặc dẫn đến kết quả bất công. Vì vậy, các phán quyết của Tòa án Công bằng thường thể hiện rất rõ tinh thần ngăn chặn sự lạm dụng quyền lợi hợp pháp để chống lại nguyên tắc công bằng. Điều này có nghĩa là, ngay cả khi một bên "đúng luật" về mặt hình thức, tòa vẫn có thể can thiệp nếu họ sử dụng quyền đó theo cách gây bất công cho người khác. Đây chính là vai trò đặc trưng của equity: đảm bảo rằng pháp luật không bị lợi dụng để tạo ra kết quả sai trái. Hai án lệ được đề cập dưới đây là những minh chứng điển hình.

---

<sup>18</sup> Jenifer Nadler (2021), sđd, tr. 872. Xem thêm: Charlie Webb and Tim Akkouch, *Trusts Law* (5<sup>th</sup> edn, Palgrave Macmillan 2017), pp. 6.

1. *Binions v Evans*<sup>19</sup>

Ông bà Binions (bị đơn) đã hứa với người bán là bà Evans (nguyên đơn) rằng sẽ cho phép bà Evans ở lại ngôi nhà của mình suốt đời sau khi họ hoàn thành giao dịch, tuy nhiên sau đó, phía ông bà Binions đã cố gắng đuổi bà Evans ra khỏi ngôi nhà trên. Đối với vụ kiện này, Thẩm phán Lord Denning MR cho rằng, bà Evans có thể kháng định quyền hợp pháp để ở lại ngôi nhà của mình để chống lại hành vi của ông bà Binions, mặc dù bà không có quyền sở hữu tài sản hợp pháp đối với ngôi nhà nói trên. Tuy nhiên, nhằm mục đích đạt được khoản giảm giá đáng kể đối với căn nhà này, bị đơn đã hứa cho phép nguyên đơn ở lại căn nhà. Chính điều này đã gây dựng được sự tin tưởng cho người bán (vì đây được xem như điều kiện để người bán bán căn nhà cho người mua). Người mua đã hoàn toàn vi phạm lẽ công bằng khi từ chối thực hiện lời hứa của mình. Việc Thẩm phán công nhận việc thực thi lời hứa là cơ sở cho việc xây dựng niềm tin giữa các bên này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc công bằng. Trong trường hợp này, các bị đơn bị coi là vi phạm lẽ công bằng một cách vô lương tâm (*unconscionable*) nếu Tòa án cho phép các bị đơn, dựa vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của họ, tiến hành trục xuất nguyên đơn ra khỏi căn nhà kể trên<sup>20</sup>.

Trường hợp được đề cập ở trên là án lệ điển hình cho học thuyết *promissory estoppel* khi cho phép bảo vệ quyền lợi của một người do tin tưởng vào lời hứa của một người khác mà hành động mà không có sự đảm bảo bởi luật<sup>21</sup>. Học thuyết cũng thường được áp dụng cho luật hợp đồng khi lời hứa được ràng buộc để thực thi ngay cả khi hợp đồng chưa có hiệu lực

2. *Vauxhall Motors Ltd v Manchester Ship Canal Co Ltd*<sup>22</sup>

Lẽ công bằng còn được minh họa đặc biệt rõ ràng qua phân tích của Tòa án tối cao về biện pháp khắc phục theo lẽ công bằng để giảm nhẹ việc tước bỏ quyền lợi đối với các bên tham gia trong một trường hợp xảy ra tại thế kỷ XXI. Biện pháp khắc phục này được coi là một chế tài sẵn có để ngăn bị đơn từ chối quyền lợi chính đáng của nguyên đơn đối với tài sản bị ảnh hưởng do việc nguyên đơn đã không tuân thủ nghĩa vụ đã cam kết đối với bị đơn. Cụ thể, quyền được thanh toán trong trường hợp việc

---

<sup>19</sup> *Binion v Evans* [1972] Ch. 359

<sup>20</sup> *Binions v Evans* [1972] 2 All ER 70.

<sup>21</sup> Học thuyết cũng thường được áp dụng cho luật hợp đồng khi lời hứa được ràng buộc để thực thi ngay cả khi hợp đồng chưa có hiệu lực. Lê Thị Diễm Phương, *Áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kiểm Sát Online (kiemsat.vn).

<sup>22</sup> *Vauxhall Motors Ltd v Manchester Ship Canal Co Ltd* [2019] 3 WLR 854.

tước bỏ quyền lợi sẽ bị coi là đi ngược lại với các chuẩn mực đạo đức thông thường, dựa trên các biện pháp khắc phục sẵn có và ít nghiêm khắc hơn sẽ được áp dụng đối với trường hợp các Bên không tiến hành thanh toán theo thoả thuận. Trong trường hợp này, nguyên đơn đã vô tình không thanh toán £50 cho giấy phép sử dụng mảnh đất lân cận của bị đơn, do đó bị đơn đã tìm cách chấm dứt việc chuyển giao giấy phép, đồng nghĩa với việc nguyên đơn sẽ bị tước mất quyền sử dụng đất, vốn được định giá hơn 300.000 bảng Anh/năm. Thẩm phán Briggs, đại diện cho đa số Lords (Thẩm phán) tại Tòa án tối cao, đã tuyên bố rằng biện pháp miễn trừ tịch thu tài sản sẽ “đóng một vai trò có giá trị trong việc ngăn chặn việc lạm dụng vô lương tâm các quyền hợp pháp nghiêm ngặt cho các mục đích khác với những mục đích mà chúng được trao”, chẳng hạn như các hoạt động an ninh nhằm mục đích đảm bảo nghĩa vụ thanh toán được thực hiện đúng thời hạn đã thoả thuận. Tuy nhiên, ông tiếp tục nhấn mạnh rằng biện pháp khắc phục này cần phải được hạn chế bởi các ranh giới về nguyên tắc để sự thượng tôn đối với luật pháp Anh trong các lĩnh vực kinh doanh và tài sản không bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự can thiệp thiếu kiểm soát của lẽ công bằng trong bất kỳ tình huống nào. Tòa án tối cao, trong trường hợp này, sẵn sàng mở rộng phạm vi áp dụng của biện pháp khắc phục theo lẽ công bằng để giảm thiểu mức độ của việc tịch thu tài sản, bao gồm cả việc tước quyền sở hữu đất đai bao gồm cả việc tước giấy phép sử dụng đất của bị đơn. Trong khi trước đó, biện pháp khắc phục vốn chỉ được áp dụng đối với quyền sở hữu đất đai.

Nhưng Tòa án tối cao không sẵn sàng mở rộng thẩm quyền của mình ở một mức độ cao hơn, bao gồm bất kỳ quyền phán xử nào đối với các tài sản cụ thể, đồng nghĩa với việc hoạt động kiểm soát các biện pháp khắc phục sẽ chỉ có thể do Thẩm Phán thực hiện dựa trên các phán quyết của chính mình vì điều này sẽ làm suy yếu tính chặt chẽ của pháp luật. Một mặt, phán quyết nhận được sự ủng hộ, tuy nhiên cũng tồn tại những ý kiến về tính không chắc chắn trong quy định về lẽ công bằng và việc áp dụng các nguyên tắc này hoàn toàn phụ thuộc vào sự đánh giá, suy xét của Thẩm phán đối với các sự kiện và bối cảnh của vụ việc chứ không phải dựa trên các quy tắc được áp dụng một cách tự nhiên. Đây là minh chứng cho sự xung đột điển hình giữa cách tiếp cận dựa trên nền tảng các quy định sẵn có và cách tiếp cận dựa trên các hoạt động tự phát đối với các hoạt động của Lẽ công bằng.

Từ hai án lệ *Binions v Evans* và *Vauxhall Motors v Manchester Ship Canal*, có thể rút ra bức tranh rõ ràng về vai trò đặc thù cùng cách áp dụng của lẽ công bằng trong hệ thống pháp luật Anh.

*Thứ nhất*, cả hai vụ việc đều cho thấy lẽ công bằng hoạt động như một cơ chế hỗ trợ nhằm điều chỉnh những tình huống mà việc áp dụng cứng nhắc các quy tắc của thông luật có thể dẫn đến sự bất công. Trong vụ việc *Binions v Evans*, mặc dù bị đơn có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản, tòa án vẫn từ chối cho phép họ sử dụng quyền đó để phủ nhận lời hứa mà chính họ đã dùng làm điều kiện để đạt được lợi ích khi mua nhà. Tòa án công nhận quyền ở lại của nguyên đơn không phải dựa trên quyền sở hữu, mà căn cứ vào nghĩa vụ lương tâm phát sinh từ sự tin tưởng và lời hứa tạo nên sự thay đổi vị thế của người bán trong giao dịch. Nói cách khác, lẽ công bằng không cho phép một bên lợi dụng quy định pháp luật để hành xử ngược lại với sự chính trực và niềm tin đã hình thành từ giao dịch. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc kinh điển của lẽ công bằng: Lẽ công bằng sẽ không cho phép sử dụng quyền hợp pháp như một công cụ gian lận<sup>23</sup>.

*Thứ hai*, trong vụ việc *Vauxhall Motors*, lẽ công bằng được vận dụng như một cơ chế nhằm ngăn chặn việc một bên lạm dụng quyền hợp pháp, với hành vi mà Tòa án xác định là đi lệch khỏi mục đích thực sự mà quyền đó được pháp luật trao cho họ. Điểm đáng chú ý là Tòa án tối cao, trong khi công nhận nhu cầu mở rộng phạm vi của các biện pháp khắc phục theo lẽ công bằng, vẫn đồng thời nhấn mạnh rằng sự mở rộng này phải diễn ra trong khuôn khổ các nguyên tắc rõ ràng và nhất quán. Điều này nhằm bảo đảm rằng tính ổn định và khả năng dự đoán, hai giá trị cốt lõi của hệ thống pháp luật Anh mà không bị suy yếu bởi sự linh hoạt trong cách giải thích lẽ công bằng.

*Thứ ba*, nguyên tắc áp dụng lẽ công bằng từ Tòa án Anh cho thấy: quyền hợp pháp không thể được áp dụng theo cách thức gây tổn hại đến lẽ phải, sự tin cậy chính đáng và nghĩa vụ lương tâm phát sinh từ giao dịch hay việc áp dụng lẽ công bằng cần bảo đảm rằng pháp luật không chỉ đúng về mặt hình thức mà còn đúng về bản chất và công lý. Thêm vào đó, các tòa án Anh chỉ lựa chọn can thiệp trong những trường hợp tồn tại sự lạm dụng quyền hợp pháp hoặc sự mất cân đối nghiêm trọng giữa hành vi vi phạm và hậu quả pháp lý. Cách tiếp cận thận trọng này giúp duy trì một sự cân bằng cần thiết khi đồng thời bảo đảm tính ổn định và khả năng dự đoán của hệ thống pháp luật và vẫn mở ra không gian để Tòa án điều chỉnh, giải thích nhằm đạt được kết quả công bằng thực chất trong từng trường hợp cụ thể.

#### **4. Một số khuyến nghị cho Việt Nam về áp dụng lẽ công bằng**

Có thể thấy từ những phân tích ở các phần trên, một khía cạnh căn bản của lẽ công bằng chính là quá trình hoàn thiện pháp luật và theo đuổi công lý. Lẽ công bằng

---

<sup>23</sup> Nguyên văn: Equity will not allow a legal right to be used as an instrument of fraud. Án lệ *Rochevoucauld v Boustead* [1897] 1 Ch 196 (CA).

không chỉ là di sản pháp lý của khái niệm nguyên bản về sự công bằng. Lễ công bằng đã mang ý nghĩa là sự độc lập với các hệ thống phức tạp của quan điểm nguyên bản về sự công bằng, cũng như các chế tài đảm bảo cho sự công bằng đó. Hướng tới việc đối trọng với sự cứng nhắc của các quy tắc pháp lý, lễ công bằng tập trung vào hoàn cảnh của từng vụ việc mà nguyên tắc công bằng được thể hiện thông qua việc theo đuổi những kết quả chính đáng được đặc trưng bởi tính linh hoạt, tính cụ thể và tính đặc thù. Ý thức rộng rãi về lễ công bằng cũng như công lý sẽ làm sinh động hơn vai trò quan trọng trong việc khắc phục và bổ sung những khiếm khuyết còn tồn tại của pháp luật nhằm phục vụ mục đích cuối cùng là bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân<sup>24</sup>.

Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 1995 và 2005 không có quy định về lễ công bằng là một nguồn của pháp luật dân sự, tuy nhiên nguyên tắc này đã được bổ sung tại Điều 6 Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015. Quy định về lễ công bằng còn được đề cập trong pháp luật về tố tụng, cụ thể tại khoản 3 Điều 45 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhấn mạnh rằng việc thực hiện nguyên tắc lễ công bằng chỉ xảy ra khi luật không có quy định cụ thể, không có phong tục tập quán để áp dụng, không thể áp dụng tương tự pháp luật và thậm chí không có án lệ để hướng dẫn. Theo PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện, với quy định như vậy, phạm vi áp dụng lễ công bằng rất hẹp<sup>25</sup>. Một vấn đề đáng bàn là vị trí của lễ công bằng trong nguồn của pháp luật dân sự khi đứng ở vị trí cuối cùng trong danh sách các nguồn luật. Điều này có nghĩa là, mặc dù được gọi là lễ công bằng, nguyên tắc này không được áp dụng khi đã có quy định của luật thành văn có thể áp dụng. Điều này hoàn toàn khác với cách tiếp cận của hệ thống pháp luật Anh, nơi lễ công bằng được nhìn nhận như một nền tảng cơ bản của pháp luật và được áp dụng bất cứ khi nào việc áp dụng cứng nhắc quy phạm pháp luật dẫn đến bất công. Trong truyền thống Anh, lễ công bằng không chỉ song hành với common law mà còn là công cụ để khắc phục sự cứng nhắc của luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của đương sự.

Đối với các vụ việc liên quan đến lễ công bằng có thể đề cập đến Bản án số 04/2020/DS-ST ngày 28/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong trường hợp vợ ngoại tình phải bồi thường tổn thất tinh thần cho chồng<sup>26</sup>. Dù Tòa án viện dẫn khoản 1 Điều 584 và Điều 3 BLDS năm 2015,

<sup>24</sup> John Valery White (2022), *sdd*, tr. 1889.

<sup>25</sup> Nguyễn Ngọc Điện (2023), *Hệ thống Common Law và Equity: các vận dụng có thể có cho việc áp dụng lễ công bằng trong xét xử tại tòa án Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 473(1).

<sup>26</sup> Xem bản án tại: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-boi-thuong-thiet-hai-ngoai-hop-dong-vo-ngoai-tinh-phai-boi-thuong-ton-that-tinh-than-cho-217626>, truy cập ngày 16/6/2025.

đồng thời tuyên bố áp dụng “lẽ công bằng”, lập luận của Tòa cho thấy thực chất phán quyết hoàn toàn nằm trong khuôn khổ các nguyên tắc nền tảng của pháp luật dân sự hiện hành. Hành vi che giấu sự thật về quan hệ cha con đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của anh V theo Điều 584, đồng thời vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực khi xác lập và thực hiện quan hệ hôn nhân gia đình. Do đó, yêu cầu bồi thường của anh V có thể được giải quyết đầy đủ dựa trên các quy định này mà không cần thiết coi lẽ công bằng là một cơ sở pháp lý độc lập theo Điều 6 BLDS. Việc Tòa nhấn mạnh “lẽ công bằng” ở đây chủ yếu mang ý nghĩa khẳng định tính hợp lý và phù hợp đạo lý của phán quyết, hơn là sự vận dụng ý nghĩa kỹ thuật của nguồn luật bổ sung theo Điều 6 BLDS.

Từ cách tiếp cận về lẽ công bằng của Anh và quy định và cách áp dụng hiện hành về lẽ công bằng tại Việt Nam, một số khuyến nghị được đưa ra như sau:

*Thứ nhất*, phát triển và hệ thống hóa án lệ về lẽ công bằng để bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật. Kinh nghiệm từ hệ thống pháp luật Anh cho thấy lẽ công bằng chỉ thực sự phát huy giá trị khi được vận dụng thông qua vai trò chủ động và sáng tạo của thẩm phán, đặc biệt trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự như quan hệ nhân thân, tài sản, hôn nhân gia đình, thừa kế, hợp đồng và nghĩa vụ. Tuy nhiên, tại Việt Nam, phạm vi áp dụng lẽ công bằng còn hạn chế do thiếu tiêu chí hướng dẫn cụ thể, có thể dẫn đến nguy cơ tùy nghi trong xét xử và dẫn chiếu. Trong bối cảnh đó, việc phát triển án lệ có yếu tố công bằng trở thành một yêu cầu cấp thiết. Án lệ không chỉ giúp chuyển hóa tinh thần lẽ công bằng thành các chuẩn mực xét xử rõ ràng mà còn tạo cơ sở thống nhất trong việc giải thích và áp dụng quy định của pháp luật dân sự. Điều này càng được củng cố bởi khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP, theo đó Thẩm phán có nghĩa vụ nghiên cứu và áp dụng án lệ đối với các vụ việc có tình huống pháp lý tương tự. Việc hệ thống hóa và phát triển án lệ về lẽ công bằng sẽ góp phần bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và công minh trong giải quyết tranh chấp dân sự, đồng thời tạo điều kiện để lẽ công bằng trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả cho pháp luật thành văn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

*Thứ hai*, áp dụng lẽ công bằng như một phương thức bổ trợ cho pháp luật thành văn. Mặc dù lẽ công bằng không được xác định là nguồn luật chính trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam, nhưng giữ vai trò bổ trợ quan trọng bên cạnh các nguồn luật đứng trước theo Điều 6 BLDS năm 2015. Việc vận dụng lẽ công bằng cần được thừa nhận như một phương thức giải thích pháp luật dựa trên các nguyên tắc cơ bản của BLDS đặc biệt là nguyên tắc nhân đạo, thiện chí, trung thực, không thiên vị và bảo

đảm bình đẳng quyền, nghĩa vụ giữa các đương sự. Điều này cho phép thẩm phán đưa ra các phán quyết hợp lý mà không bị chi phối bởi yếu tố chủ quan hay cảm tính. Việc xem lễ công bằng như công cụ diễn giải và định hướng áp dụng quy phạm không tạo ra quy phạm mới hay thay đổi bản chất của pháp luật thành văn; thay vào đó, sẽ hỗ trợ thẩm phán lựa chọn cách giải thích phù hợp. Cách tiếp cận này tạo cơ sở để thẩm phán vận dụng linh hoạt các nguyên tắc nền tảng của pháp luật dân sự, từ đó giải quyết tranh chấp một cách hợp tình, hợp lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên nhưng vẫn bảo đảm sự thống nhất, khách quan và tính dự đoán của hệ thống pháp luật.

*Cuối cùng*, cần đặc biệt chú trọng việc nâng cao năng lực giải thích và áp dụng lễ công bằng của đội ngũ Thẩm phán. Việc vận dụng lễ công bằng trong xét xử dân sự chỉ có thể đạt được hiệu quả thực chất khi đội ngũ Thẩm phán được trang bị đầy đủ năng lực giải thích pháp luật, khả năng đánh giá bối cảnh xã hội và bản lĩnh tư pháp độc lập. Lễ công bằng, khi không có các quy tắc định lượng hay tiêu chí định sẵn, đòi hỏi Thẩm phán phải có trình độ chuyên môn vững vàng, tư duy pháp lý linh hoạt và khả năng đưa ra quyết định dựa trên niềm tin nội tâm được hình thành từ chứng cứ, lễ phải và chuẩn mực đạo lý xã hội. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sẽ cần ban hành các văn bản hướng dẫn, giải đáp nghiệp vụ về phương thức xác định và áp dụng lễ công bằng, nhất là đối với những loại tranh chấp dân sự thường gặp. Dù khoản 3 Điều 45 BLTTDS năm 2015 quy định lễ công bằng được xác định dựa trên cơ sở “lễ phải”, “sự thừa nhận của mọi người trong xã hội”, “phù hợp nguyên tắc nhân đạo”, “không thiên vị và bình đẳng”, nhưng việc đánh giá thế nào là “lễ phải” hay “không thiên vị” vẫn là thách thức lớn trong thực tiễn, do không có hướng dẫn cụ thể và do sự đa dạng trong cách hiểu về các khái niệm này. Vì vậy, việc nâng cao năng lực của Thẩm phán không phải chỉ là một yêu cầu kỹ thuật, mà là điều kiện tiên quyết quyết định sự thành công của việc vận dụng lễ công bằng trong thực tiễn.

## 5. Kết luận

Lễ công bằng là minh chứng cho sự vận động linh hoạt và nhân văn của pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu công lý trong thực tiễn. Qua quá trình phát triển lịch sử tại Anh, lễ công bằng đã hình thành nên một hệ thống các nguyên tắc và án lệ có giá trị hỗ trợ và vượt lên trên tính hình thức của pháp luật thành văn, để hướng tới bản chất công bằng thực sự trong từng vụ việc cụ thể. Đối với Việt Nam là một quốc gia theo truyền thống pháp luật dân sự, việc ghi nhận lễ công bằng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 cho thấy bước chuyển mình đáng chú ý trong tư duy lập pháp, thể hiện xu hướng tiếp cận với các giá trị pháp lý tiên bộ của thế giới. Tuy nhiên, để khái niệm này thực sự phát

huy hiệu quả trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cần có sự nghiên cứu về lý luận, thực tiễn áp dụng cũng như các tiền lệ pháp lý quốc tế, đặc biệt từ hệ thống Common Law. Những kinh nghiệm từ Anh về lý thuyết và thực tiễn của lẽ công bằng sẽ là bài học hữu ích, góp phần giúp Việt Nam đạt được mục tiêu hoàn thiện pháp luật hướng tới công bằng, hợp lý và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Falcón, y Tella, María José, và y Tella, Maria Jose Falcon (2008). *Equity and Law*, NXB BRILL.
2. Graham Virgo (2018). *The principle of equity and trusts*, NXB Oxford University press.
3. Jennifer Nadler (2021), *What is Distinctive about the Law of Equity?*, Oxford Journal of Legal Studies, số 41(3).
4. John Valery White (2022), *Civil right equity: An introduction to a theory of what civil rights has become*, WASH. & LEE L. REV., no 78.
5. Lê Thị Diễm Phương, *Áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kiểm Sát Online (kiemsat.vn), truy cập ngày 05/6/2024.
6. Margaret White (2004), *Equity - a general principles of law recognised by civilized nations*, Queensland U.Tec. L. & Just..J., no 4(1).
7. Maurizio Lupoi (2020), *English “equity” and the civil law-a tale of two worlds*, Trusts & Trustees, no 26(2).
8. Michael Akehurst (1976), *Equity and general principles of law*, The International and Comparative Law Quarterly, no 25(4).
9. Nguyễn Ngọc Điện (2023), *Hệ thống Common Law và Equity: Các vận dụng có thể có cho việc áp dụng lẽ công bằng trong xét xử tại toà án Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 473(1).
10. Nguyễn Thị Minh Huệ (2022), *Nhận diện lẽ công bằng trong một số bản án, án lệ*, Tạp chí Nghề luật, số 02.
11. R. H. K. (1934). *Ashburner’s Principles of Equity*. Second edition By Denis Browne, B.A., of Lincoln’s Inn, Barrister-at-Law. London: Butterworth & Co., Ltd.1933. lxxx and 520 pp. (£1 12s. 6d.). *The Cambridge Law Journal*, 5(2), 286-288. doi:10.1017/S0008197300127072.
12. Renato Beneduzi (2012), *Equity in the Civil Law Tradition*.

13. Samuel L. Bray (2015), *The Supreme Court and the New Equity* (2015), *Vanderbilt Law Review*, số 68(4) 997.
14. Samuel L. Bray and Paul B. Miller (2022), *Getting into equity*, *Notre Dame Law Review*, số 97(5).
15. Samuel L. Bray (2018), *Equity: Notes on the American Reception*, NXB Cambridge University press.
16. Simone Degeling (2020), *Philosophical Foundations of the Law of Equity*, NXB Oxford University Press.
17. Stephen Humphreys (2023), *Equity before 'Equity'*, NXB MLR, số 86(1), tr. 85.
18. W.J. Zwalm and E. Koops (2014), *Introduction: The equity phenomenon*, NXB Brill.
19. *Westdeutsche Landesbank Girozentrale v Islington lbc* [1996] 1 2 All ER 961, 988.
20. *Án lệ Rochefoucauld v Boustead* [1897] 1 Ch 196 (CA).
21. *Án lệ Binions v Evans* [1972] 2 All ER 70.
22. *Án lệ Vauxhall Motors Ltd v Manchester Ship Canal Co Ltd* [2019] 3 WLR 854.